BỘ TÀI CHÍNH -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: .../2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 2019*

Dự thảo ngày 05.03.2019

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí đánh giá tuân thủ và tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật và tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

a) Tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan đối với người khai hải quan là doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa (sau đây gọi chung là hoạt động xuất nhập khẩu);

b) Tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan đối với doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu;

c) Áp dụng các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Đối với người khai hải quan khác không thuộc khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan thực hiện thu thập, xử lý thông tin liên quan để áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

3. Cơ quan thuế, công chức thuế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu* (sau đây gọi tắt là đánh giá tuân thủ doanh nghiệp) là việc cơ quan hải quan tiến hành thu thập, phân tích, xác minh thông tin chấp hành pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu và đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tuân thủ để xác định mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan.

2. *Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan* là các tiêu chuẩn được ban hành để đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan.

3. *Chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan* là các chỉ tiêu thông tin mang giá trị của tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan.

4. *Mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu* (sau đây gọi tắt là mức độ tuân thủ của doanh nghiệp) là kết quả đánh giá phân loại của cơ quan hải quan về chấp hành pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

1. Việc đánh giá tuân thủ doanh nghiệp được thực hiện công khai, minh bạch theo các tiêu chí đánh giá tuân thủ ban hành tại Thông tư này.

2. Cơ quan hải quan ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin để đánh giá tuân thủ doanh nghiệp, đảm bảo việc đánh giá được khách quan, chính xác và kịp thời.

3. Việc đánh giá tuân thủ doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên trên cơ sở thông tin hiện có trên hệ thống về quá trình hoạt động và chấp hành pháp luật về hải quan của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu tại thời điểm đánh giá.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân loại mức độ tuân thủ đối với doanh nghiệp

1. Cơ quan hải quan đánh giá phân loại tuân thủ đối với doanh nghiệp theo các mức độ dưới đây:

a) Doanh nghiệp tuân thủ Mức 1: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá và công nhận là doanh nghiệp ưu tiên;

b) Doanh nghiệp tuân thủ Mức 2: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ cao;

c) Doanh nghiệp tuân thủ Mức 3: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ trung bình;

d) Doanh nghiệp tuân thủ Mức 4: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ thấp;

đ) Doanh nghiệp tuân thủ Mức 5: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá không tuân thủ pháp luật về hải quan.

2. Cơ quan hải quan không thực hiện đánh giá phân loại tuân thủ doanh nghiệp đối với các trường hợp dưới đây:

a) Doanh nghiệp lần đầu khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Doanh nghiệp giải thể, phá sản, ngừng hoạt động, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 6. Thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

Thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ doanh nghiệp bao gồm:

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

a) Thông tin về tên, mã số thuế doanh nghiệp;

b) Thông tin về địa chỉ trụ sở đăng ký hoạt động;

c) Thông tin về chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

d) Thông tin về trạng thái doanh nghiệp.

2. Thông tin về tình hình hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Thông tin về thời gian, tần suất hoạt động xuất nhập khẩu;

b) Thông tin về kim ngạch xuất nhập khẩu, số tiền nộp thuế hàng hóa;

3. Thông tin về tình hình chấp hành pháp luật:

a) Thông tin chấp hành pháp luật về nộp thuế, cưỡng chế thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu;

b) Thông tin về xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng khác;

3) Việc hợp tác của doanh nghiệp với cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan và chấp hành các quy định khác của cơ quan hải quan.

4) Thông tin khác có liên quan.

Điều 7. Tiêu chí đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp tuân thủ Mức 1 là các doanh nghiệp được đánh giá, công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và Thông tư số 07/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 72/2015/TT-BTC và Thông tư số 07/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 72/2015/TT-BTC)

2. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 2 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Mục A, Phần I, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 3 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Mục B, Phần I, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

4. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 4 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Mục C, Phần I, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 5 khi đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Phần II, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Áp dụng các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ của doanh nghiệp

1. Kết quả đánh giá tuân thủ doanh nghiệp là cơ sở để cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp quản lý hải quan, bao gồm:

a) Soi chiếu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Kiểm tra, giám sát trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Kiểm tra sau thông quan;

d) Các nghiệp vụ hải quan khác.

2. Dựa trên mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan tạo thuận lợi, giảm tỷ lệ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan trong hoạt động xuất nhập khẩu đối với doanh nghiệp được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ pháp luật; đồng thời tăng cường áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp nghiệp vụ khác đối với doanh nghiệp được đánh giá là doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật.

3. Việc áp dụng các biện pháp quản lý hải quan đối với doanh nghiệp ưu tiên (doanh nghiệp tuân thủ Mức 1) được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC và Thông tư số 07/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 72/2015/TT-BTC dẫn trên).

Điều 9. Tổ chức đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

1. Cơ quan hải quan quản lý, áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư này; ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin để tự động đánh giá, phân loại doanh nghiệp theo các mức độ tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Việc đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp được thực hiện định kỳ vào 00 giờ hàng ngày tại Tổng cục Hải quan; trên cơ sở hệ thống công nghệ thông tin tự động tích hợp, xử lý dữ liệu từ hồ sơ doanh nghiệp và các hệ thống thông tin, dữ liệu hải quan có liên quan, theo tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật quy định tại Điều 7 Thông tư này để xác định mức độ tuân thủ của doanh nghiệp.

Trường hợp hệ thống công nghệ thông tin hải quan gặp sự cố, mức độ tuân thủ của doanh nghiệp được xác định theo kết quả đánh giá của ngày hôm trước liền kề với ngày phát sinh sự cố.

3. Mỗi doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được phân loại theo một mức độ tuân thủ duy nhất tại thời điểm đánh giá, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Tổng cục Hải quan thực hiện quản lý, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin để đánh giá tuân thủ doanh nghiệp theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ tuân thủ pháp luật về hải quan

Cơ quan hải quan hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu để nâng cao mức độ tuân thủ bằng các hoạt động dưới đây:

1. Cung cấp cho doanh nghiệp thông tin về mức độ tuân thủ; giải đáp các thông tin liên quan đến đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ của doanh nghiệp.

2. Cung cấp thông tin qua Cổng thông tin điện tử hải quan để hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể:

a) Doanh nghiệp tra cứu mức độ tuân thủ và lý do phân loại mức độ tuân thủ;

b) Doanh nghiệp trao đổi, phản hồi thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ và phản ánh các vướng mắc, kiến nghị liên quan đến đánh giá tuân thủ.

3. Cơ quan hải quan tổ chức các chương trình quan hệ đối tác, biên bản ghi nhớ, hội nghị đối thoại, hội thảo, đào tạo, giúp doanh nghiệp tự nâng cao sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật về hải quan; tiếp nhận giải quyết các vướng mắc liên quan đến tuân thủ pháp luật và áp dụng biện pháp quản lý của cơ quan hải quan.

Điều 11. Quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Được cơ quan hải quan thông báo mức độ tuân thủ; được quyền đề nghị cơ quan hải quan trả lời về lý do phân loại mức độ tuân thủ.

2. Bổ sung các tài liệu, chứng từ để cơ quan hải quan xem xét, điều chỉnh mức độ tuân thủ theo tiêu chí đánh giá tuân thủ quy định tại Thông tư này.

3. Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin qua hệ thống hỗ trợ, khuyến khích nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, quy định tại Điều 10 Thông tư này.

4. Hợp tác với cơ quan hải quan trong việc thực hiện các biện pháp quản lý hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong thực hiện đánh giá tuân thủ doanh nghiệp

1. Tổ chức đánh giá phân loại mức độ tuân thủ của doanh nghiệp.

2. Thực hiện phân cấp của Bộ Tài chính về quản lý, áp dụng tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ doanh nghiệp.

3. Thực hiện đánh giá tuân thủ và áp dụng phù hợp các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ của doanh nghiệp.

4. Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và các quy định của văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Bộ chỉ số tiêu chí để cụ thể hóa việc thực hiện các tiêu chí đánh giá tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào các nội dung quy định tại Thông tư này hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện thống nhất trong toàn ngành Hải quan.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2019.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 1

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..../2019/TT- BTC ngày.....tháng.....năm 2019 của Bộ Tài chính)

Phần I. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TUÂN THỦ

Mục A. Doanh nghiệp tuân thủ mức 2 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ cao)

Stt	Tiêu chí	
1	*2*	
1.	***Tiêu chí số 1.***	Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục 2 Danh mục hành vi vi phạm áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa (sau đây gọi tắt là danh mục hành vi) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	***Tiêu chí số 2.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá
3.	***Tiêu chí số 3.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 1% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I,Mục II, Mục III Danh mục hành vi); Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80%

		tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có dưới 100 tờ khai trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, tổng số lần bị xử phạt từ 3% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.
4.	***Tiêu chí số 4.***	Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, lệ phí hải quan quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, lệ phí hải quan tại thời điểm đánh giá và chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ trên 50 triệu đồng, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
5.	***Tiêu chí số 5.***	Doanh nghiệp không nằm trong danh sách doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký theo quy định của pháp luật, trong thời gian 365 ngày trở về trước tính từ thời điểm đánh giá.
6.	***Tiêu chí số 6.***	Doanh nghiệp không bị cơ quan Hải quan đánh giá là doanh nghiệp không hợp tác trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và chấp hành các quy định khác của cơ quan hải quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
7.	***Tiêu chí số 7.***	Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 100 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá. Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có trên 30 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

Mục B. Doanh nghiệp tuân thủ mức 3 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ trung bình)

Stt	Tiêu chí	
1	*2*	
1.	***Tiêu chí số 1.***	Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	***Tiêu chí số 2.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I, Mục II, Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá
3.	***Tiêu chí số 3.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 2 trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I,Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	***Tiêu chí số 4.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III, Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 2% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I,Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá. Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có dưới 100 tờ khai trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, tổng số lần bị xử phạt từ 4% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.

5.	***Tiêu chí số 5.***	Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, lệ phí hải quan quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá
6.	***Tiêu chí số 6.***	Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 50 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá. Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có trên 10 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá

Mục C. Doanh nghiệp tuân thủ mức 4 (doanh nghiệp tuân thủ ở mức độ thấp)

Stt	**Tiêu chí**	
1	*2*	
1.	***Tiêu chí số 1.***	Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	***Tiêu chí số 2.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I, Mục II, Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá

3.	***Tiêu chí số 3.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 3 trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I,Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	***Tiêu chí số 4.***	Doanh nghiệp không bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III, Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 3% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I,Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá. Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có dưới 100 tờ khai trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, tổng số lần bị xử phạt từ 6% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.
5.	***Tiêu chí số 5.***	Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.
6.	***Tiêu chí số 6.***	Doanh nghiệp nợ lệ phí hải quan quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp lệ phí tại thời điểm đánh giá

Phần II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP KHÔNG TUÂN THỦ
(Doanh nghiệp tuân thủ mức 5)

Stt	Tiêu chí	
1	*2*	
1.	***Tiêu chí số 1.***	Doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị xử lý về các hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 Mục I Phụ lục 2 Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
2.	***Tiêu chí số 2.***	Doanh nghiệp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại điểm 2 Mục I, Mục II, Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá
3.	***Tiêu chí số 3.***	Doanh nghiệp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 3 trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.
4.	***Tiêu chí số 4.***	Doanh nghiệp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục III, Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này với tổng số lần bị xử phạt từ 3% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp (loại trừ các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II Danh mục hành vi), trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá. Đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, hoặc có số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm 80% tổng số tiền nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu toàn quốc của năm trước liền kề, có dưới 100 tờ khai trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá, tổng số lần bị xử phạt từ 6% trở lên trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.

5.	***Tiêu chí số 5.***	Doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

DANH MỤC
HÀNH VI VI PHẠM ÁP DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày....tháng.....năm 2019 của Bộ Tài chính)

I. Nhóm hành vi gian lận thương mại, trốn thuế, gian lận thuế:

1. Nhóm hành vi bị khởi tố:
   a) Hành vi buôn lậu;
   b) Hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;
   c) Hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm;
   d) Hành vi trốn thuế, gian lận thuế;
2. Nhóm hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính:
   a) Hành vi đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan;
   b) Hành vi sử dụng niêm phong hải quan giả mạo;
   c) Hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo, không hợp pháp, không đúng với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không phải là tội phạm;
   d) Hành vi sử dụng bất hợp pháp tài Khoản đăng nhập, chữ ký số được cấp cho tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thủ tục hải quan;
   e) Hành vi truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin hải quan mà không phải là tội phạm;
   f) Hành vi vận chuyển hàng hoá quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập – tái xuất không đúng tuyến đường, lộ trình, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không có lý do xác đáng;
   g) Hành vi tự ý phá niêm phong hải quan;
   h) Hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới mà không phải là tội phạm;
   i) Hành vi tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan;

j) Hành vi không bảo quản nguyên trạng hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hoá được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan;

k) Hành vi lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định hoặc địa điểm đã đăng ký với cơ quan hải quan;

l) Hành vi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại mà không thông báo cho cơ quan hải quan;

m) Hành vi tự ý tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan; hàng hoá được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định;

n) Hành vi tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam;

o) Hành vi chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan mà tang vật vi phạm có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên mà không phải là tội phạm;

p) Hành vi tẩu tán, tiêu huỷ hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan;

q) Hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

r) Các hành vi vi phạm bị xử phạt trong lĩnh vực hải quan và các hành vi vi phạm khác do cơ quan hải quan xử phạt với số tiền xử phạt trên 50 triệu đồng tính bình quân trên mỗi tờ khai vi phạm trong một lần xử phạt, không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục II Danh mục này.

II. Nhóm hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra:

1. Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải khi cơ quan hải quan yêu cầu mà không có lý do xác đáng;
2. Không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan;
3. Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan;
4. Hành vi không chấp hành hiệu lệnh dừng, khám xét phương tiện vận tải theo quy định;
5. Hành vi không cung cấp sơ đồ hầm hàng, chỉ dẫn, mở nơi nghi vấn cất giữ hàng hóa trên phương tiện vận tải để thực hiện quyết định khám hành chính;

6. Hành vi bốc dỡ hàng hoá không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn mà không có lý do xác đáng;

7. Hành vi xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không có sự đồng ý của cơ quan hải quan;

III. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của công chức.

Các hành vi vi phạm hành chính, vi phạm về thuế bị cơ quan hải quan xử phạt với số tiền xử phạt trên 5 triệu đồng tính bình quân trên mỗi tờ khai vi phạm trong một lần xử phạt không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II nêu trên.

IV. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của công chức và các hành vi vi phạm về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế và quy định về khai hải quan.

Các hành vi vi phạm hành chính, vi phạm về thuế bị cơ quan hải quan xử phạt với số tiền xử phạt từ 5 triệu đồng trở xuống tính bình quân trên mỗi tờ khai vi phạm trong một lần xử phạt không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II nêu trên.